

KẾ HOẠCH
Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính
năm 2018 của tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 2636/QĐ-BNV ngày 10/12/2018 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” (sau đây viết tắt là Quyết định số 2636/QĐ-BNV), Quyết định số 2678/QĐ-BNV ngày 25/12/2018 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Quyết định số 2678/QĐ-BNV); Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Thực hiện tự chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Thanh Hóa theo đúng yêu cầu của Bộ Nội vụ tại Quyết định số 2636/QĐ-BNV và Quyết định số 2678/QĐ-BNV.

- Nâng cao trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trong thực hiện cung cấp tài liệu kiểm chứng phục vụ việc tự chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2018 của tỉnh.

- Phân đầu nâng cao thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần được Bộ Nội vụ quy định.

2. Yêu cầu:

- Các sở, ban, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ chủ trì các nhiệm vụ cải cách hành chính phải cung cấp đầy đủ tài liệu kiểm chứng theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần để phục vụ công tác tự chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của tỉnh.

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với cải cách hành chính nói chung và đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của tỉnh.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức đánh giá và tự đánh giá chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của tỉnh Thanh Hóa:

- Thời gian: Gửi nộp báo cáo tự đánh giá, chấm điểm, tài liệu kiểm chứng, báo cáo giải trình thông qua phần mềm Quản lý chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính và bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả chấm điểm về Bộ Nội vụ trước ngày 20/02/2019.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh.

(có các phụ lục kèm theo).

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.

2. Phối hợp điều tra xã hội học:

- Điều tra xã hội học: Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bưu điện tỉnh. Lãnh đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố, Trưởng các phòng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (trong danh sách Mẫu điều tra xã hội học) trả lời phiếu điều tra do cán bộ, nhân viên Bưu điện tỉnh trực tiếp khảo sát; thời gian từ tháng 02 đến trước ngày 01/3/2019.

- Giám sát công tác điều tra: Bộ Nội vụ chủ trì, Sở Nội vụ, Mặt trận tổ quốc tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, cơ quan liên quan phối hợp; thời gian từ tháng 02 đến tháng 3/2019.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ:

- Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan cung cấp tài liệu kiểm chứng phục vụ việc chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2018 của Thanh Hóa.

- Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu cho Lãnh đạo tỉnh tổ chức hội nghị với các ngành, đơn vị được giao chủ trì triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính trong triển khai thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2018.

- Theo dõi, đôn đốc các đơn vị cung cấp tài liệu kiểm chứng phục vụ công tác tự chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh.

- Tham mưu xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2018 (kèm theo tài liệu kiểm chứng, báo cáo giải trình thông qua phần mềm Quản lý chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính), báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh chậm nhất vào ngày 20/02/2019 để tổng hợp gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

- Tổng hợp, cập nhập phần mềm báo cáo theo quy định.

2. Sở Tài chính:

Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí cho hoạt động kiểm tra, giám sát quá trình điều tra xã hội học; kinh phí phục vụ chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh.

3. Các sở, ngành, đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu Tư, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Bưu điện tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm và cung cấp tài liệu kiểm chứng theo lĩnh vực được giao phụ trách, gửi về Sở Nội vụ trước ngày 31/01/2019, kèm theo file PDF để làm căn cứ chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2018 của tỉnh.

4. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Hội Cựu chiến binh tỉnh: Phối hợp với Sở Nội vụ, Bưu điện tỉnh thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát mẫu điều tra, quá trình phát, thu phiếu điều tra xã hội học.

Trên đây là Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của tỉnh Thanh Hóa; trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Thị Thìn;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

Phụ lục 01/Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tự chấm điểm và cung cấp tài liệu kiểm chứng kèm theo



Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng cần cung cấp
1	1.2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ.	- Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát văn bản QPPL trước 28/02. - Báo cáo năm về tình hình theo dõi thi hành pháp luật, gửi đến Bộ Tư pháp trước ngày 15/10.
2	1.4.2. Thực hiện các hình thức tuyên truyền.	- Bản sao hợp đồng tuyên truyền; Kế hoạch tổ chức hội thảo, quyết định, giấy mời tổ chức hội thảo.... - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
3	1.5. Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính.	Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới; các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền.
4	2.1.1. Thực hiện các hoạt động về theo dõi, thi hành pháp luật.	- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
5	2.1.2. Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật.	- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh. - Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
6	2.2. Xử lý văn bản QPPL sau rà soát.	- Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát văn bản QPPL của tỉnh. - Các văn bản xử lý văn bản QPPL sau rà soát. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
7	2.3. Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra.	- Báo cáo kết quả kiểm tra rà soát văn bản QPPL của tỉnh. - Danh mục các văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra; kèm theo số, ký hiệu của văn bản xử lý những sai phạm tương ứng với từng trường hợp (chỉ cần lập file word). - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).

Ghi chú: Tất cả tài liệu kiểm chứng đều được gửi dưới dạng file PDF và có giải trình thêm.

Phụ lục 02: Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm tự chấm điểm và cung cấp tài liệu kiểm chứng kèm theo

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng cần cung cấp
1	1.4.2. Thực hiện các hình thức tuyên truyền.	- Bản sao hợp đồng tuyên truyền; Kế hoạch tổ chức hội thảo, quyết định, giấy mời tổ chức hội thảo.... - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
2	1.5. Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính.	Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới; các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền.
3	3.1.1. Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
4	3.1.2. Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh; các văn bản xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
5	3.2.1. Công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
6	3.2.2 Nhập đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh; - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)
7	3.2.3. Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
8	3.2.4. Công khai TTHC trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
9	3.2.5. Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - Báo cáo kết quả công khai của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (hoặc báo cáo khác có nội dung công khai kết quả giải quyết TTHC trên cổng TTĐT). - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
10	3.3.1. Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (sở, ban, ngành) được thực hiện theo cơ chế một cửa.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - Quyết định công bố danh mục TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
11	3.3.2. Số TTHC hoặc nhóm	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng cần cung cấp
	TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp.	- Danh mục TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông, chỉ rõ nơi tiếp nhận, trả kết quả và cơ quan tham gia giải quyết đối với từng TTHC/nhóm TTHC liên thông. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
12	3.3.3. Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - Danh mục TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông, chỉ rõ nơi tiếp nhận, trả kết quả và cơ quan tham gia giải quyết đối với từng TTHC/nhóm TTHC liên thông. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
13	3.4.1. Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh; - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)
14	3.4.2. Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
15	3.4.3. Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
16	3.5.1. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
17	3.5.2. Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
18	7.3.1. Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích (BCCI).	Báo cáo của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.
19	7.3.2. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI.	Báo cáo của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.
20	7.3.3. Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI.	Báo cáo của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

Ghi chú: Tất cả tài liệu kiểm chứng đều được gửi dưới dạng file PDF và có giải trình thêm.

Phụ lục 03: Sở Nội vụ chịu trách nhiệm tự chấm điểm và cung cấp tài liệu kiểm chứng kèm theo

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng
1	1.1.1. Ban hành Kế hoạch CCHC.	Kế hoạch CCHC năm 2018.
2	1.1.2. Mức độ hoàn thành kế hoạch.	- Báo cáo CCHC năm. - Tài liệu khác (nếu có).
3	1.2. Thực hiện chế độ báo cáo.	- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2018. - Báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng năm 2018 trước 31/01.
4	1.5. Sáng kiến trong cải cách hành chính.	- Sáp nhập thôn được phê duyệt (NQ, QĐ,...). - Nhất thể hóa bí thư chi bộ và trưởng thôn (NQ, QĐ...). - Quyết định thành lập Viện Nông nghiệp.
5	3.3.2. Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp.	- Báo cáo CCHC của tỉnh. - Danh mục TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông, chỉ rõ nơi tiếp nhận, trả kết quả và cơ quan tham gia giải quyết đối với từng TTHC/nhóm TTHC liên thông. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
6	3.3.3. Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền.	- Báo cáo CCHC của tỉnh. - Danh mục TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông, chỉ rõ nơi tiếp nhận, trả kết quả và cơ quan tham gia giải quyết đối với từng TTHC/nhóm TTHC liên thông. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
7	4.1.1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện đúng quy định.	Báo cáo chuyên đề đánh giá về rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh.
8	4.1.2. Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính.	Báo cáo thống kê số lượng cấp phó của người đứng đầu tại các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi đánh giá.
9	4.1.3. Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015.	Báo cáo số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó nêu rõ số lượng đơn vị giảm so với năm 2015).
10	4.2.1. Thực hiện quy định về sử dụng biên chế	Báo cáo thống kê tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng
	hành chính.	
11	4.2.2. Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh.	Báo cáo thống kê tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá.
12	4.2.3. Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015.	Báo cáo thống kê tình hình sử dụng biên chế trong năm đánh giá.
13	4.3.1. Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành.	Báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước.
14	4.3.2. Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã.	Báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước.
15	4.3.3 Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	- Các thông báo kết luận kiểm tra; - Các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua kiểm tra.
16	5.1.1. Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.	- Các báo cáo kèm theo. - Gửi đại diện bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau (dự phòng thêm 05).
17	5.1.2. Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.	- Các báo cáo kèm theo. - Gửi đại diện bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau (dự phòng thêm 05).
18	5.2.1. Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.	- Các thông báo tuyển dụng, người đủ điều kiện dự tuyển. - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...).
19	5.2.2. Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.	- Các thông báo tuyển dụng, người đủ điều kiện dự tuyển. - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...).
20	5.3.1. Thực hiện quy định về thi nâng ngạch	- Các thông báo thi tuyển, người đủ điều kiện dự tuyển.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng
	công chức.	- Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả, quyết định bổ nhiệm...).
21	5.3.2. Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức.	- Các thông báo thi, xét thăng hạng, người đủ điều kiện tham dự. - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi, xét thăng hạng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả, quyết định bổ nhiệm ngạch...).
22	5.4. Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính.	- Các quyết định bổ nhiệm. - Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm.
23	5.5.1. Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định.	Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của tỉnh.
24	5.5.2. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức.	Các báo cáo, thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra.
25	5.6. Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.
26	5.7.1. Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã.	Báo cáo chất lượng, số lượng cán bộ, công chức cấp xã.
27	5.7.2. Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã.	Báo cáo chất lượng, số lượng cán bộ, công chức cấp xã.

Ghi chú: Tất cả tài liệu kiểm chứng đều được gửi dưới dạng file PDF và có giải trình thêm.

Phụ lục 04: Sổ Tài chính chịu trách nhiệm tự chấm điểm và cung cấp tài liệu kiểm chứng kèm theo

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng
1.	1.4.2. Thực hiện các hình thức tuyên truyền.	- Bản sao hợp đồng tuyên truyền; Kế hoạch tổ chức hội thảo, quyết định, giấy mời tổ chức hội thảo.... - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
2.	1.5. Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính.	Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới; các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền.
3.	6.1.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm.	- Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018. - Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh.
4.	6.1.2. Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.	- Các kết luận thanh tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền trong 3 năm gần nhất. - Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của tỉnh.
5.	6.1.3. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
6.	6.2.1. Ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	- Văn bản của tỉnh về ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
7.	6.2.2. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ.	- Văn bản của tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ. - Báo cáo kết quả thực hiện công khai trên Cổng TTĐT.
8.	6.2.3. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.	- Văn bản của tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Báo cáo kết quả thực hiện công khai trên Cổng TTĐT.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng
9.	6.2.4. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công.	- Kế hoạch kiểm tra của Sở Tài chính (UBND tỉnh). - Thông báo kết quả kiểm tra. - Báo cáo kết quả kiểm tra.
10.	6.3.1. Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của tỉnh (thống kê số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên tăng thêm trong năm). - Các văn bản giao tự chủ tài chính. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
11.	6.3.2. Số đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh (thống kê số đơn vị tăng thêm). - Các văn bản giao tự chủ tài chính. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
12.	6.3.3. Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm.	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
13.	6.3.4. Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015.	- Báo cáo kết quả thực hiện tự chủ tại đơn vị sự nghiệp hoặc Báo cáo mức chi ngân sách cho đơn vị sự nghiệp năm 2018. - Báo cáo mức chi ngân sách cho đơn vị sự nghiệp năm 2015.
14.	8.2.3. Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp.	Báo cáo tình hình thu chi ngân sách (thống kê tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp).
15.	8.4. Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao.	Báo cáo tình hình thu chi ngân sách.

Ghi chú: Tất cả tài liệu kiểm chứng đều được gửi dưới dạng file PDF và có giải trình thêm.

Phụ lục 05: Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tự chấm điểm và cung cấp tài liệu kiểm chứng kèm theo

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng
1	1.2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về ứng dụng CNTT.	Các báo cáo định kỳ quý I (trước 10/3); Quý II (trước 05/6); Quý III (trước 05/9); năm (trước 05/12).
2	1.4.2. Thực hiện các hình thức tuyên truyền.	- Bản sao hợp đồng tuyên truyền; Kế hoạch tổ chức hội thảo, quyết định, giấy mời tổ chức hội thảo.... - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
3	1.5. Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính.	Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới; các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền.
4	3.2.4. Công khai TTHC trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.	- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
5	3.2.5. Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - Báo cáo kết quả công khai của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
6	7.1.1. Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.	- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
7	7.1.2. Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử.	- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
8	7.1.3. Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã).	- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
9	7.1.4. Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử.	- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
10	7.1.5. Xây dựng cổng dịch vụ công.	Báo cáo kết quả thực hiện.
11	7.2.1. Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm.	- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
12	7.2.2. Tỷ lệ hồ sơ	- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng
	TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3.	- Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
13	7.2.3. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4.	- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
14	7.3.1. Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích (BCCI).	- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
15	7.3.2. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI.	- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
16	7.3.3. Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI.	- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).

Ghi chú: Tất cả tài liệu kiểm chứng đều được gửi dưới dạng file PDF và có giải trình thêm.

Phụ lục 06: Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tự chấm điểm và cung cấp tài liệu kiểm chứng kèm theo

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng
1	7.4.1. Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố ISO 9001 theo quy định.	- Các quyết định công bố ISO hoặc báo cáo thống kê của UBND tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có). - Báo cáo kết quả thực hiện.
2	7.4.2. Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định.	- Các quyết định công bố ISO hoặc báo cáo thống kê của UBND tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
3	7.4.3. Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định.	- Báo cáo kết quả thực hiện ISO của tỉnh. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).

Ghi chú: Tất cả tài liệu kiểm chứng đều được gửi dưới dạng file PDF và có giải trình thêm.

Phụ lục 07: Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tự chấm điểm và cung cấp tài liệu kiểm chứng kèm theo

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng
1	8.2. Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh.	- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm đánh giá và trước liền kề.
2	8.3.1. Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm.	- Báo cáo việc thành lập doanh nghiệp (trong đó thể hiện tỷ lệ tăng thêm). - Tài liệu khác nếu có.
3	8.3.2. Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp.	- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm đánh giá và trước liền kề. - Tài liệu khác (nếu có).
4	8.4. Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao.	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm đánh giá và trước liền kề.

Ghi chú: Tất cả tài liệu kiểm chứng đều được gửi dưới dạng file PDF và có giải trình thêm.

Phụ lục 08: Bưu điện tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm tự chấm điểm và cung cấp tài liệu kiểm chứng kèm theo

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng
1	7.3.1. Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích (BCCI).	- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
2	7.3.2. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI.	- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).
3	7.3.3. Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI.	- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Các tài liệu kiểm chứng khác kèm theo (nếu có).

Ghi chú: Tất cả tài liệu kiểm chứng đều được gửi dưới dạng file PDF và có giải trình thêm